

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

(Ban hành theo Quyết định số: 530/QĐ-ĐHNCT ngày 15 tháng 7 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nam Cần Thơ)

Tên chương trình : **Chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng**
Trình độ đào tạo : **Đại học hệ chính quy**
Ngành đào tạo : **Tài chính - Ngân hàng**
Mã số : **7340201**
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

1. Mô tả chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng đào tạo Cử nhân Tài chính - Ngân hàng có đủ kiến thức, kỹ năng, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả ở các lĩnh vực liên quan đến tài chính - ngân hàng.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt)	Tài chính - Ngân hàng
Tên chương trình (Tiếng Anh)	Finance - Banking
Mã ngành đào tạo	7340201
Trường cấp bằng	Trường Đại học Nam Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	131
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 131 tín chỉ; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên; - Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng anh và tin học theo quy định chung của Nhà trường; - Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp; - Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành các học phần điều kiện.
Vị trí việc làm	Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các công việc nghiệp vụ hoặc các vị trí quản trị các cấp trong các tổ



	<p>chức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ngân hàng thương mại; - Các loại hình ngân hàng khác; - Các định chế tài chính khác như: Công ty bảo hiểm; Bảo hiểm xã hội; Công ty tài chính; Công ty cho thuê tài chính; Công ty chứng khoán; Quỹ đầu tư; Công ty đầu tư chứng khoán; Công ty quản lý quỹ; Công ty định mức tín nhiệm; Công ty tư vấn tài chính... <p>Ngoài ra sinh viên tốt nghiệp còn có thể công tác tại các viện nghiên cứu kinh tế, và sau khi bổ sung các kiến thức, kỹ năng sư phạm có thể đảm nhiệm công tác giảng dạy ở các trường đại học; cao đẳng.</p>
Học tập nâng cao trình độ	Có thể tiếp tục học thạc sĩ trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp và Trường Đại học Nottingham Anh Quốc.
Thời gian cập nhật	7/2024

1.3. Mục tiêu đào tạo

1.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cử nhân có đầy đủ sức khỏe, kiến thức vững chắc, năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu xã hội và nhu cầu của người học, phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Có phẩm chất đạo đức, khả năng tự học, tự nghiên cứu nhằm đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm.

- Đào tạo nhân lực đủ năng lực làm việc tại các công ty và cơ quan tổ chức liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

1.3.2. Mục tiêu cụ thể

M1: Hiểu biết và áp dụng được các kiến thức nền tảng và chuyên sâu của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng vào công việc chuyên môn.

M2: Hình thành được các ý tưởng chuyên môn trong Tài chính – Ngân hàng và phát triển được năng lực quản lý, điều hành công việc ở quy mô cá nhân và tập thể.

M3: Đáp ứng được các yêu cầu về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm, trình độ tiếng Anh ngày càng cao của xã hội, môi trường làm việc và nghiên cứu.

M4: Tổ chức và thực hiện được các tác nghiệp chuyên môn Tài chính – Ngân hàng, từ đó phát triển được năng lực sáng tạo trong công việc.

M5: Hình thành được năng lực tự học, tự nghiên cứu ở lĩnh vực chuyên môn, từ đó phát triển được các năng lực tương ứng ở cả đời sống và hướng dẫn được những

người xung quanh, từ đó thay đổi, cải thiện đời sống xã hội.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ (không tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh), được phân bổ như sau:

KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức bắt buộc	Kiến thức tự chọn	Tổng
Kiến thức giáo dục đại cương	43	2	45
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	71	15	86
- Kiến thức cơ sở ngành	32	0	32
- Kiến thức chuyên ngành	35	9	44
- Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
- Khóa luận tốt nghiệp/Các môn thay thế	0	6	6
Tổng khối lượng	114	17	131

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia hoặc xét điểm học bạ quá trình học tập ở bậc THPT theo tổ hợp các môn học theo ngành và xét tuyển trong cả nước.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

- Thực hiện quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và quy chế đào tạo hiện hành của Trường Đại học Nam Cần Thơ.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo điều 27 của quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Đạt trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường (về Tin học đạt từ modul 01 đến 06 của chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT)

- Đạt chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Giáo dục thể chất; Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp.

- Đánh giá điểm bộ phận và điểm học phần thực hiện theo điều 22 và điều 23 của quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Xếp hạng năm học, xếp hạng tốt nghiệp được thực hiện theo điều 14 và điều 28 của quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

6.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
A	Lý luận chính trị		11			
1	0101000889	Triết học	3	3		BB
2	0101000641	Kinh tế chính trị	2	2		BB
3	0101000890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		BB
4	0101000900	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		BB
5	0101000869	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2		BB
B	Khoa học xã hội		8+2			
6	0101000891	Pháp luật đại cương	2	2		BB
7	0101000780	Quản trị học	3	3		BB
8	0101000715	Marketing căn bản	3	3		BB
9	0101000894	Tâm lý học đại cương	2	2		TC
10	0101000881	Logic học đại cương	2	2		TC
C	Ngoại ngữ		15			
11	0101000861	Anh văn căn bản 1	3	3		BB
12	0101000862	Anh văn căn bản 2	3	3		BB
13	0101000863	Anh văn căn bản 3	3	3		BB
14		Anh văn căn bản 4	3	3		BB
15	0101000881	Anh văn trung cấp	3	3		BB
D	Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên		9			
16	0101000898	Toán cao cấp	3	3		BB
17	0101000896	Tin học căn bản	3	3		BB
18	0101000883	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	3		BB
E	Giáo dục thể chất		3			
19	0101000872	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1	ĐK
20	0101000873	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1	ĐK
21	0101000874	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1	ĐK
F	Giáo dục quốc phòng		8			
22	0101000871	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)	8	5	3	ĐK

(*) Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy

6.2. Khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
Phần kiến thức cơ sở ngành			32			
1	0101000650	Kinh tế vi mô	3	3		BB
2	0101000651	Kinh tế vĩ mô	3	3		BB
3	0101000735	Nguyên lý kế toán	3	3		BB
4	0101000645	Kinh tế lượng	3	3		BB
5	0101000692	Luật kinh tế	2	2		BB
6	0101000710	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3	3		BB
7	0101000799	Tài chính quốc tế	3	3		BB

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	LT	TH	Thể loại
8	0101000825	Thị trường tài chính	3	3		BB
9	0101000738	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	3		BB
10	0101000792	Quản trị tài chính	3	3		BB
11	0101000729	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	3		BB
Phần kiến thức chuyên ngành			35+9			
12	0101000721	Ngân hàng Trung ương	2	2		BB
13	0101000717	Marketing ngân hàng	3	3		BB
14	0101000815	Thẩm định tín dụng	3	3		BB
15	0101000811	Thanh toán quốc tế	2	2		BB
16	0101000624	Kế toán ngân hàng	3	3		BB
17	0101000789	Quản trị ngân hàng thương mại	3	3		BB
18	0101000814	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	3		BB
19	0101001042	Quản trị rủi ro tài chính	3	3		BB
20	0101000756	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2			BB
21	0101000628	Kế toán tài chính	3			BB
22	0101000583	Anh văn chuyên ngành 1 (TCNH)	3			BB
23	0101000586	Anh văn chuyên ngành 2 (TCNH)	3			BB
24	0101000829	Thuế	2			BB
25	0101000765	Quản lý danh mục đầu tư	3		3	TC
26	0101000750	Phân tích báo cáo tài chính	3		3	TC
27	0101000754	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3		3	TC
Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp			10			
28	0101000846	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	4		4	BB
29	0101000667	Khóa luận tốt nghiệp (TCNH)	6		6	TC
Môn thay thế khóa luận tốt nghiệp						
30	0101000634	Kế toán thuế	3		3	TC
31	0101000616	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư	3		3	TC
32	0101000640	Kinh doanh ngoại hối	3		3	TC

7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

7.1. Học kỳ I

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế vi mô	3	45	3	45		
2	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	45	3	45		
3	Anh văn căn bản 1	3	45	3	45		
4	Giáo dục thể chất 1 *	1	30			1	30
5	Triết học	3	45	3	45		
6	Toán cao cấp	3	45	3	45		
	Tổng	16	255	15	225	1	30

7.2 Học kỳ II

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế chính trị	2	30				
2	Quản trị học	3	45				
3	Anh văn căn bản 2	3	45				
4	Giáo dục quốc phòng – an ninh *	8	165	5	75	3	90
5	Giáo dục thể chất 2 *	1	30			1	30
6	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	45				
7	Tin học căn bản	3	60	2	30	1	30
8	Logic học đại cương	2	30				
	Tổng	25	450	7	105	5	150

7.3 Học kỳ III

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kinh tế lượng	3	45	3	45		
2	Kinh tế vĩ mô	3	45	3	45		
3	Nguyên lý kế toán	3	45	3	45		
4	Anh văn căn bản 3	3	45	3	45		
5	Giáo dục thể chất 3 *	1	30			1	30
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	2	30		
7	Pháp luật đại cương	2	30	2	30		
	Tổng	17	270	16	240	1	30

7.4 Học kỳ IV

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn căn bản 4	3	45	3	45		
2	Kế toán tài chính	3	45	3	45		
3	Luật kinh tế	2	30	2	30		
4	Marketing căn bản	3	45	3	45		
5	Quản trị tài chính	3	45	3	45		
6	Thuế	2	30	2	30		
7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	2	30		
	Tổng	18	270	18	270		

7.5 Học kỳ V

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Anh văn trung cấp	3	45	3	45		

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
2	Marketing ngân hàng	3	45	3	45		
3	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	3	45		
4	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư	3	45	3	45		
5	Thị trường tài chính	3	45	3	45		
6	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	2	30		
	Tổng	17	255	17	255		

7.6 Học kỳ VI

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Kế toán ngân hàng	3	45	3	45		
2	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3	45	3	45		
3	Phương pháp nghiên cứu trong kinh tế	2	30	2	30		
4	Quản trị ngân hàng thương mại	3	45	3	45		
5	Thẩm định tín dụng	3	45	3	45		
6	Anh văn chuyên ngành 1 (TCNH)	3	45	3	45		
	Tổng	17	255	17	255		

7.7 Học kỳ VII

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Tài chính quốc tế	3	45	3	45		
2	Thanh toán quốc tế	2	30	2	30		
3	Anh văn chuyên ngành 2 (TCNH)	3	45	3	45		
4	Quản trị rủi ro tài chính	3	45	3	45		
5	Phân tích báo cáo tài chính	3	45	3	45		
6	Quản lý danh mục đầu tư	3	45	3	45		
	Tổng	17	255	17	255		

7.8 Học kỳ VIII

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
1	Ngân hàng trung ương	2	30	2	30		
2	Phân tích và đầu tư chứng khoán	3	45	3	45		
3	Thực tập tốt nghiệp (TCNH)	4	120			4	120
4	Khóa luận tốt nghiệp (TCNH) (hoặc học thay thế khóa luận: chọn 2 học phần)**	6	180			6	180
5	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư **	3	45	3	45		
6	Kinh doanh ngoại hối **	3	45	3	45		

STT	Tên học phần	Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
		TC	Tiết	TC	Tiết	TC	Tiết
7	Kế toán thuế **	3	45	3	45		
	Tổng	15	375	5	75	10	300

(*) Những học phần có dấu * không được tính vào Trung bình chung tích lũy

(**) Nếu sinh viên không đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sẽ học các học phần thay thế.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1 Đối với Khoa và Bộ môn:

- Khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình này. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Thư viện của Nhà trường và lưu tại Văn phòng khoa. Đầu mỗi học kỳ, phối hợp cùng các đơn vị thuộc Trường để triển khai kế hoạch đào tạo theo đúng tiến độ.

- Phân công giảng viên có trình độ từ thạc sĩ trở lên (cùng ngành hoặc chuyên ngành liên quan) giảng dạy các học phần lý thuyết, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho giảng viên để đảm bảo được theo kế hoạch giảng dạy chung của Nhà trường.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.

8.2 Đối với giảng viên:

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần, cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện, đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực tập, thực hành.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các khối kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

8.3 Đối với sinh viên:

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng

viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm đồ án tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.

8.4 Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và thực hành, thực tập:

- Hệ thống phòng học lý thuyết với trang thiết bị truyền thống, có trang bị công cụ hỗ trợ giảng dạy (projector), tăng âm.

- Phòng thực hành máy tính được cài đặt các phần mềm phục vụ đào tạo tin học căn bản, tin học ứng dụng thiết kế, mô phỏng các quá trình.

- Chương trình chuyên ngành Tài chính Ngân hàng được thiết kế đơn ngành.



Hiệu trưởng

TS. Nguyễn Văn Quang

Phòng QLĐT

ThS. Lý Mẫn Tẹn

Khoa Kinh tế

TS. Nguyễn Văn Tạc

